

HỘ KINH DOANH QUÁN ĂN GIA ĐÌNH GIÓ BIỂN 3

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của cơ sở

**“NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN
GIÓ BIỂN 3”**

*Địa chỉ: Lô C17-63, lô C17-64, lô 17-65, đường Tôn Đức
Thắng, Phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang.*

Kiên Giang, tháng 08 năm 2024

HỘ KINH DOANH QUÁN ĂN GIA ĐÌNH GIÓ BIỂN 3

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

của cơ sở

“NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3”

Địa chỉ: Lô C17-63, lô C17-64, lô 17-65, đường Tôn Đức
Thắng, Phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang.



ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Dinh Lâm Tiếp

CHỦ CƠ SỞ

Tổng Tài Mỹ Anh

Kiên Giang, tháng .08. năm 2024

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU TỪ VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	5
CHƯƠNG I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở:	6
1.2. Tên cơ sở:	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	6
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	6
1.3.2. Mô tả hoạt động của cơ sở.....	6
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:	7
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:	7
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	8
CHƯƠNG II	11
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường.....	11
CHƯƠNG III.....	13
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	13
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	13
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.....	13
3.1.2. Thu gom và thoát nước thải.....	14
3.1.3. Xử lý nước thải	16
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	19
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	19
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	21

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	22
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	23
3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố từ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa, nước thải	23
3.6.2 Phương án phòng cháy và chữa cháy	23
3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.....	23
Chương IV	25
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	25
CHƯƠNG V	27
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	27
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải: không có	27
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không có	27
CHƯƠNG VI.....	28
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	28
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	28
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	28
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	28
CHƯƠNG VII	29
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	29
CHƯƠNG VIII	30
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	30
PHỤ LỤC	31

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU TỪ VIẾT TẮT

UBND	Ủy Ban Nhân Dân
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
BXD	Bộ Xây Dựng
QCXD	Quy chuẩn xây dựng
NĐ – CP	Nghị Định – Chính Phủ
TT-BTNMT	Thông tư – Bộ Tài Nguyên Môi Trường
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
XLNT	Xử lý nước thải

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Nhu cầu sử dụng nước tối đa của Cơ sở	8
Bảng 2. Danh mục các hạng mục công trình.....	9
Bảng 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải quý 3/2024 của cơ sở.....	11
Bảng 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa.....	14
Bảng 5. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải.....	15
Bảng 6. Vị trí xả thải của cơ sở	16
Bảng 7. Thông số kỹ thuật bể tách mỡ	17
Bảng 8. Thông số kỹ thuật bể tự hoại.....	19
Bảng 9. Số lượng thùng chứa chất thải hiện hữu tại cơ sở.....	21
Bảng 10. Thống kê chất thải nguy hại dự kiến phát sinh	21
Bảng 11. Tổng hợp biểu hiện sự cố, nguyên nhân và phương pháp khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải.....	23
Bảng 12. Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải	25
Bảng 13. Vị trí xả thải của cơ sở	26
Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải quý 3/2024 của cơ sở.....	27

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Sơ đồ quy trình khách đặt tiệc, đặt bàn tại nhà hàng.....	7
Hình 2. Sơ đồ vị trí cơ sở.....	9
Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa.....	13
Hình 4. Sơ đồ thoát nước thải.....	15
Hình 5. Vị trí xả nước thải đầu ra sau hố ga.....	16
Hình 6. Vị trí xả nước thải sau xử lý tại cống thoát nước chung của khu vực.....	16
Hình 8. Cấu tạo bể tách dầu mỡ	17
Hình 7. Mô hình bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf).....	18

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

HỘ KINH DOANH QUÁN ĂN GIA ĐÌNH GIÓ BIỂN 3

- Địa chỉ văn phòng: Lô C17-63 Tôn Đức Thắng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở: (Bà) Tống Thị Mỹ Anh

- Điện thoại: 0961.88.33.66

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số: 56A8030389 đăng ký lần đầu ngày 06/11/2023, đăng ký thay đổi lần thứ: 1 ngày 08/05/2024 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp.

1.2. Tên cơ sở:

NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3

- Địa điểm cơ sở: Lô C17-63, lô C17-64, lô C17-65 đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Quy mô của cơ sở (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*): Cơ sở có tổng mức vốn đầu tư là 4 tỷ đồng, được xác định thuộc nhóm C theo tiêu chí phân loại quy định của pháp luật về đầu tư công.

- Căn cứ khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020, cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường và khoản 4 điều 41 Luật Bảo vệ môi trường 2020, hồ sơ cấp giấy phép môi trường của Nhà hàng Gió Biển 3 thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá (*Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép môi trường đối với đối tượng quy định tại điều 39 của Luật này, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1,2 và 3 điều này*).

- Loại hình hoạt động: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động.

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

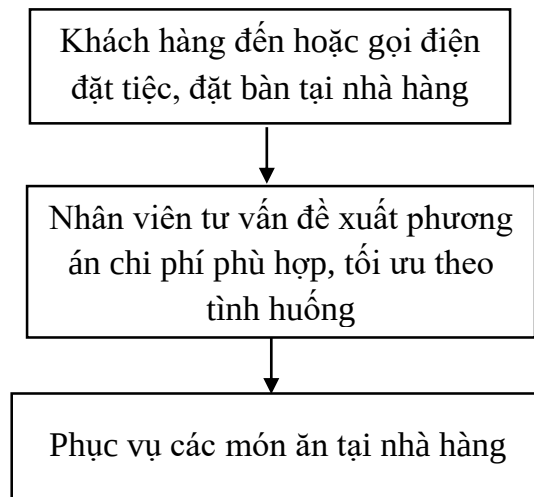
- Công suất: Cơ sở có khoảng 50 bàn tiệc, sức chứa tối đa 200 khách/ngày.

- Số lượng nhân viên: 10 người. Số ngày làm việc trong tuần: 7 ngày/tuần.

- Tần suất hoạt động: ca 1 từ 8 giờ – 16 giờ; ca 2 từ 14 giờ - 22 giờ.

1.3.2. Mô tả hoạt động của cơ sở

- *Quy trình khách đặt tiệc, đặt bàn tại nhà hàng*



Hình 1. Sơ đồ quy trình khách đặt tiệc, đặt bàn tại nhà hàng

Thuyết minh quy trình:

Khách hàng có nhu cầu phục vụ tiệc sẽ gọi và đi đến nhà hàng sử dụng các dịch vụ ăn uống của nhà hàng. Tại đây, Nhà hàng mua các nguyên liệu, thực phẩm rau củ, các loại thịt, hải sản,... của địa phương sau đó sơ chế, làm sạch và được lưu trữ trong tủ mát, tủ đông để bảo quản. Phụ thuộc và số lượng món ăn, nhân viên sẽ định lượng và chế biến các món ăn theo menu buffet có sẵn tại nhà hàng. Khi hoàn thành công đoạn chế biến, sẽ được phân chia ra thành các phần ăn nhỏ và phục vụ khách hàng.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Sản phẩm: Sản phẩm của Cơ sở là dịch vụ giải trí, vui chơi và ăn uống.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở:

1.4.1. Nhu cầu về nhiên liệu, hóa chất

+ Nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của nhà bếp là gas khí lỏng được Chủ cơ sở mua từ các nhà cung cấp gas uy tín trong khu vực. Gas loại 38 kg/bình với nhu cầu sử dụng khoảng 4 bình gas/tháng. Bình gas sử dụng có van an toàn để đảm bảo không bị rò rỉ gây ra sự cố cháy nổ. Còn viên sử dụng khoảng 150 viên/tháng.

+ **Hóa chất:** Hóa chất sử dụng trong hoạt động kinh doanh của nhà hàng chủ yếu là nước rửa chén, đĩa khoảng 10 lít/tháng, dung dịch lau sàn khoảng 5 lít/tháng, dung dịch rửa bồn cầu khoảng 2 lít/tháng, nước xịt lau kính khoảng 1 lít/tháng.

1.4.2. Nhu cầu về điện năng

Nhu cầu tiêu thụ điện của cơ sở căn cứ theo hóa đơn tiền điện của tháng gần nhất khoảng 2.100 kWh/tháng; Nguồn cung cấp điện là Công ty điện lực Kiên Giang (hóa đơn đính kèm phụ lục).

1.4.3. Nhu cầu về cấp nước:

Định mức cấp nước cho các hoạt động của Cơ sở được tính theo Tiêu chuẩn 4513: 1988 – cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, Quyết định 1180/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Kiên Giang và hướng dẫn của Bộ Xây dựng (2021) tại Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về ban hành QCVN 01:2021/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Tính toán nhu cầu sử dụng nước:

Bảng 1. Nhu cầu sử dụng nước tối đa của Cơ sở

TT	Đối tượng	Quy mô	Đơn vị	TC dùng nước	Đơn vị	NC dùng nước (m ³ /ngày)
1	Khối dịch vụ nhà hàng	200	người	25	lít/người	5
2	Nhân viên	10	người	80	lít/người / ngày	0,8
3	Khối dịch vụ bếp ăn	50	bàn	20	lít/ngày	1
4	Nước rửa nền, sàn, dụng cụ, thiết bị nhà hàng	200	m ²	1	lít/m ² / ngày	0,2
Tổng lượng nước cấp sử dụng : (1) + (2) + ... + (4)						7
Tổng nhu cầu xả nước thải: (1) + (2) ... + (4)						7

Tổng nhu cầu cấp nước cho hoạt động kinh doanh lớn nhất trong ngày theo lý thuyết khoảng 7 m³/ngày và tổng nhu cầu xả nước thải khoảng 7m³/ngày (*hóa đơn đính kèm phụ lục*).

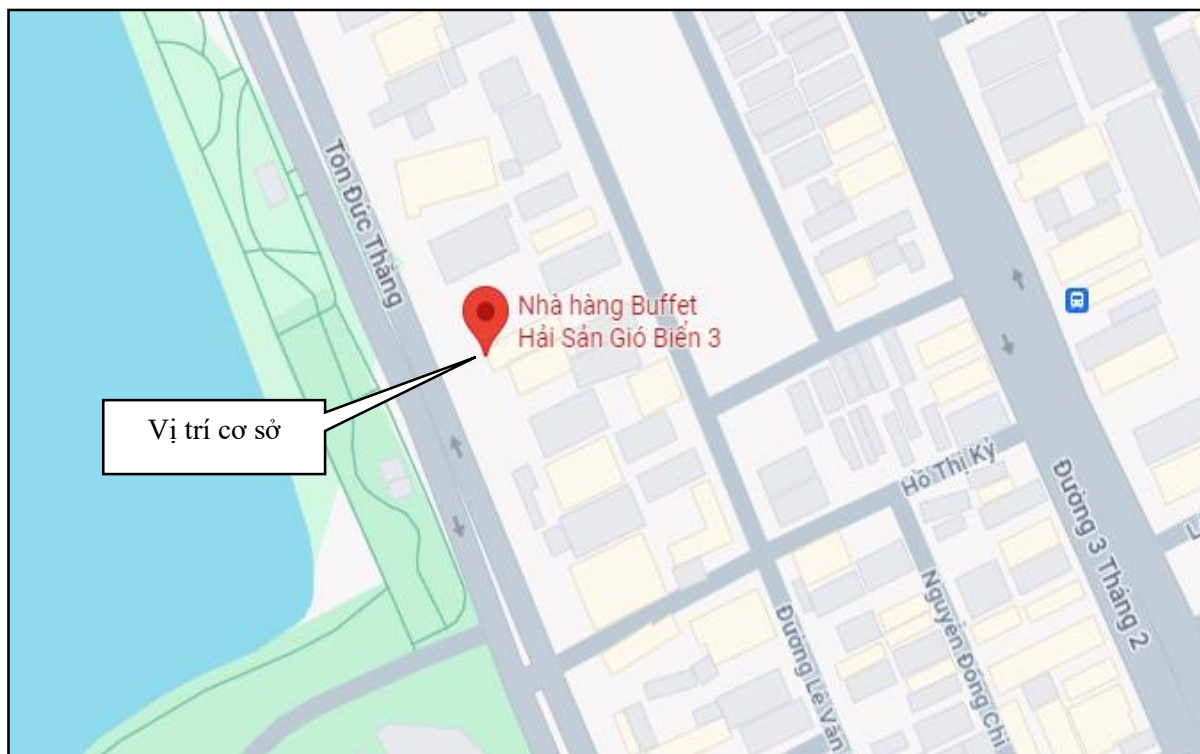
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý

- “Nhà hàng buffet hải sản Gió Biển 3” tọa lạc tại Lô C17-63, lô C17-64, lô C17-65 đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang có tứ cận như sau:

- + Phía Bắc giáp nhà dân;
- + Phía Đông giáp nhà dân;
- + Phía Nam giáp nhà dân;
- + Phía Tây giáp đường Tôn Đức Thắng;

- Tọa độ vị trí cơ sở: X= 1105375; Y= 563824;



Hình 2. Sơ đồ vị trí cơ sở

1.5.2. Các hạng mục công trình

Cơ sở hoạt động trên tổng khu đất có diện tích là 787,5 m². Các hạng mục công trình tại cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 2. Danh mục các hạng mục công trình

STT	Tên công trình	Diện tích (m ²)
A	Hạng mục công trình chính	
1	Khu vực lễ tân	6
2	Khu vực sảnh ăn	600
3	Khu vực bếp	45
B	Hạng mục công trình phụ trợ	
4	Khu bãi giữ xe	20
5	Đường nội bộ, cây xanh	16,5
C	Hạng mục các công trình bảo vệ môi trường	
6	Khu nhà vệ sinh 1	50

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3”

7	Khu nhà vệ sinh 2	50
8	Khu hầm tự hoại thể tích 17,5 m ³	-
Tổng diện tích		787,5

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Hộ kinh doanh quán ăn gia đình Gió Biển 3 tọa lạc tại Lô C17-63, lô C17-64, lô C17-65 đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã được Ủy ban nhân dân thành phố Rạch giá cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 56A8030389 đăng ký lần đầu ngày 06/11/2023, đăng ký thay đổi lần thứ: 1 ngày 08/05/2024.

Nhà hàng buffet hải sản Gió Biển 3 không nằm trong quy hoạch giải toả của thành phố, cũng không tiếp giáp với các đối tượng nhạy cảm như bệnh viện, trường học, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các công trình tôn giáo,... Tuy nhiên cơ sở nằm trong khu vực dân cư đông đúc, trong phạm vi bán kính 1 km xung quanh khu vực cơ sở có các đối tượng như nhà hàng, khách sạn, công viên... Vì vậy cơ sở cần có các biện pháp quản lý chất thải, tiếng ồn, độ rung nhằm hạn chế tác động đến môi trường xung quanh.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải môi trường

Nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của cơ sở (*nước thải sinh hoạt và nước thải từ hoạt động nhà bếp*) được xử lý và thoát ra công thoát nước chung của Khu vực.

Chủ cơ sở đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, Cột B, K = 1,0.

Để đánh giá chất nước thải đầu ra sau xử lý nước thải, Chủ cơ sở đã kết hợp với đơn vị tư vấn để thu mẫu, phân tích mẫu nước thải cụ thể như sau:

Bảng 3. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải quý 3/2024 của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
1	pH	--	7,25	5 - 9
2	TSS	mg/L	43	100
3	BOD ₅	mg/L	38	50
4	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	3,94	10
5	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	15,7	50

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3”

6	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	2,69	10
7	Coliforms	MPN/100ml	3.500	5.000

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

Nhận xét: Từ kết quả trên cho thấy, chất lượng nước thải đầu ra tại nhà hàng nằm trong giới hạn của quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) – quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

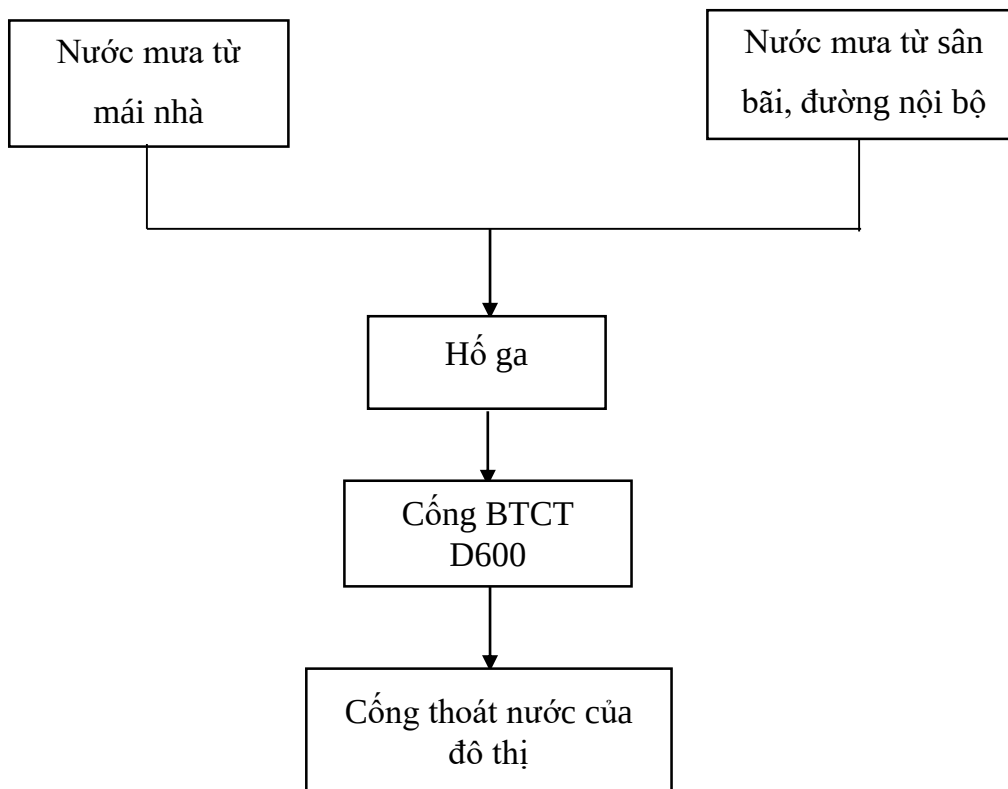
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được xây dựng riêng với hệ thống thoát nước thải sinh hoạt. Nước mưa được thu gom bằng đường ống thoát nước được đặt dọc theo các tuyến đường xung quanh Cơ sở. Trên hệ thống thoát nước có bố trí các công trình kỹ thuật như: hố ga, cửa xả... theo quy định hiện hành.

- Hướng thoát nước: Hệ thống thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng theo nguyên tắc của nhà cao tầng từ trên cao xuống đất thông qua các tuyến ống nội bộ. Nước mưa được chảy vào hệ thống thoát nước mưa và theo tuyến cống chính hình tròn tự chảy về phía cống thoát nước chung của khu vực.

- Kết cấu: Hố ga xây bằng bê tông có lắp song chắn rác được bố trí dọc các trục đường đón nước mưa từ tầng cao và nước mưa chảy tràn từ đường nội bộ, sân bãi và cống tròn HDPE được bố trí dọc theo địa hình Cơ sở.

- Để tránh tình trạng hệ thống thoát bị ứ đọng, phát sinh mùi,... chủ cơ sở thường xuyên khai thông và nạo vét các mương thoát nước mưa.



Hình 3. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa

Dọc theo hệ thống thoát nước mưa bố trí các hố ga (kích thước 1m x 1m) có lưới chắn rác nhằm lọc bỏ rác và lắng cát rồi mới thoát ra cống thoát nước chung của đô thị tuyến đường Tôn Đức Thắng. Khoảng cách giữa các hố ga trung bình từ 20 – 30 m và nước mưa được thu gom dẫn vào hệ thống ống thoát nước, đường ống thông với nhau giữa các hố ga và dùng để thoát ra ngoài cơ sở là cống BTCT ly tâm đúc sẵn D600. Các hố ga tại cơ sở sẽ được định kỳ (6 tháng/lần) nạo vét rác và bùn lắng thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Bảng 4. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước mưa

STT	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài (m)	Số lượng
1	Ống dẫn nước mưa từ mái nhà hàng xuống hố ga	PVC	D114	30 – 50	2
2	Hố ga	Bê tông + gạch	1 m ³ (1 × 1 × 1 m)	—	4
3	Cống dẫn nước mưa ra cống thoát nước đô thị trên đường Tôn Đức Thắng	BTCT	D600	70	02

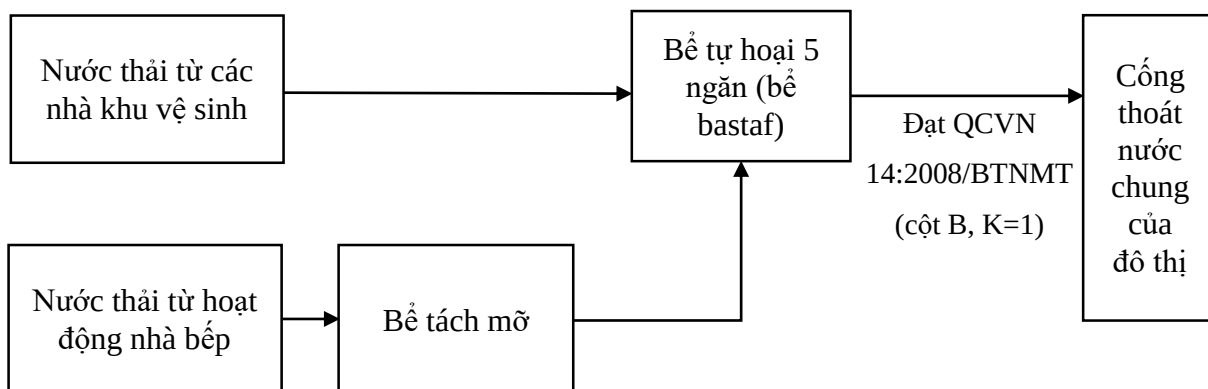
(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

3.1.2. Thu gom và thoát nước thải

- Chủ cơ sở xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải riêng biệt hoàn toàn với hệ thống thoát nước mưa. Xây dựng các tuyến ống âm trong các trụ cột để thu gom nước thải tại từng công trình, chảy về tuyến ống chính bao quanh nhà hàng về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf), tuyến ống tự chảy làm bằng vật liệu nhựa uPVC. Tỷ lệ thu gom và xử lý đạt 100%.

- Bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) với thể tích 17,5 m³, được xây dựng âm phía sau sảnh của khu nhà hàng.

a. Công trình thu gom, thoát nước thải



Hình 4. Sơ đồ thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động bài tiết của các nhà vệ sinh được thu gom bằng các đường ống uPVC Ø140 với độ dốc $I = 2\%$, được xây âm trong các trụ cột dẫn về bể tự hoại để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) xử lý rồi xả vào hố ga và thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

- Nước thải từ hoạt động nấu ăn phát sinh từ nhà bếp theo mương thoát nước về bể tách mỡ sau đó phần nước thải tiếp tục theo đường ống uPVC Ø140 với độ dốc $I = 2\%$ dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) để xử lý rồi xả vào hố ga và thoát ra cống thoát nước chung của khu vực.

+ Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải:

Bảng 5. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom, thoát nước thải

TT	Hạng mục	Kết cấu	Kích thước	Chiều dài (m)	Số lượng
1	Ống dẫn nước thải từ nhà vệ sinh đến bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf)	uPVC	Ø 90	24	02
3	Ống dẫn nước thải từ hoạt động nhà bếp đến bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf)	uPVC	Ø 140	18	01
4	Ống dẫn nước thải từ bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) đến cống thoát nước chung của đô thị trên đường Tôn Đức Thắng	uPVC	Ø 150	38	01

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

b. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải tại cơ sở (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi
chiều 3°):

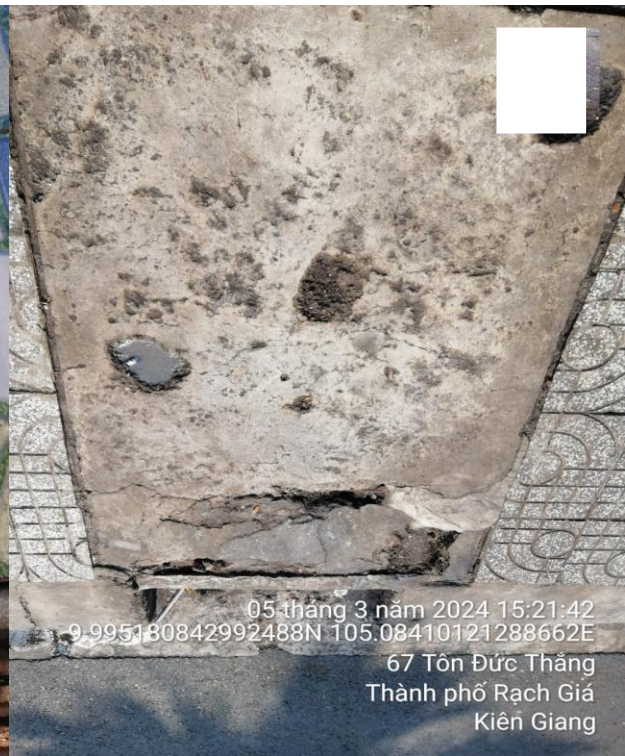
Bảng 6. Vị trí xả thải của cơ sở

STT	Kí hiệu điểm	Vị trí điểm xả nước thải	Tọa độ điểm xả	
			X	Y
1	NTĐR	Hồ ga nước thải sau xử lý	1105397	563796
2	NTN	Nguồn tiếp nhận: Công thoát nước chung của đô thị trên đường Tôn Đức Thắng	1105387	563819

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)



**Hình 5. Vị trí xả nước thải đầu ra sau
hồ ga**



**Hình 6. Vị trí xả nước thải sau xử lý
tại cống thoát nước chung của khu vực**

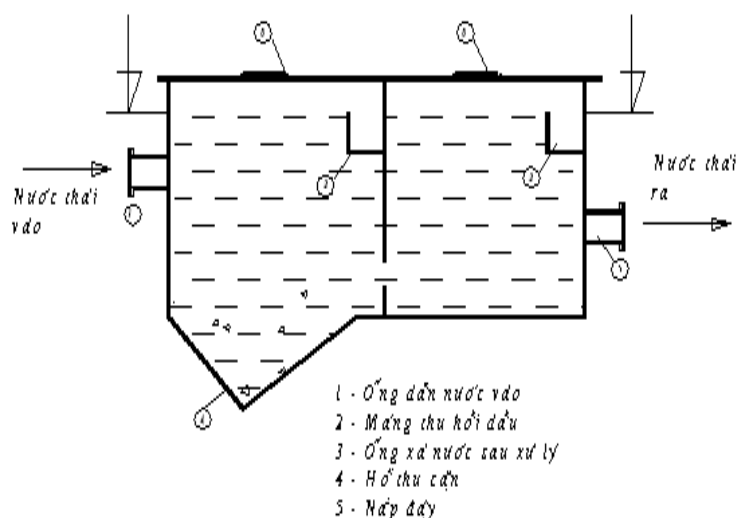
3.1.3. Xử lý nước thải

a. Nước thải từ hoạt động nhà bếp

- Toàn bộ lượng nước thải từ hoạt động của nhà bếp giai đoạn hoạt động khoảng $1,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải nhà bếp theo mương thoát nước về bể tách mỡ để tách và giữ lại dầu mỡ trong bể, tránh làm nghẹt bơm, đường ống và làm giảm quá trình xử lý sinh học của

bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf). Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tách mỡ được thu gom về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) để tiếp tục xử lý.



Hình 7. Cấu tạo bể tách dầu mỡ

Nguyên lý hoạt động của bể tách dầu mỡ:

Bể gồm 2 ngăn tách dầu mỡ và lắng cặn. Nước thải tràn vào ngăn thứ nhất được lưu trong khoảng thời gian nhất định để lắng bớt cặn rắn có trong nước thải, váng dầu mỡ trên mặt sẽ tràn vào máng thu dầu. Nước trong theo cửa thoát nước ở thân bể tràn vào bể thứ 2, còn váng dầu và dầu khoáng còn sót lại trong nước thải sẽ được tách vào máng thu thứ 2. Nước sau khi qua bể tách dầu mỡ sẽ được dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) để tiếp tục xử lý.

Chủ cơ sở định kỳ sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý phần cặn lắng, dầu mỡ thừa,.. theo quy định với tần suất 06 tháng/lần.

Bảng 7. Thông số kỹ thuật bể tách mỡ

TT	THÔNG SỐ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	THỂ TÍCH HỮU ÍCH
1	Bể tách mỡ	1	m ³	12 (Kích thước: L x W x H = 3 x 2 x 2)

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

b. Nước thải từ hệ thống nhà vệ sinh

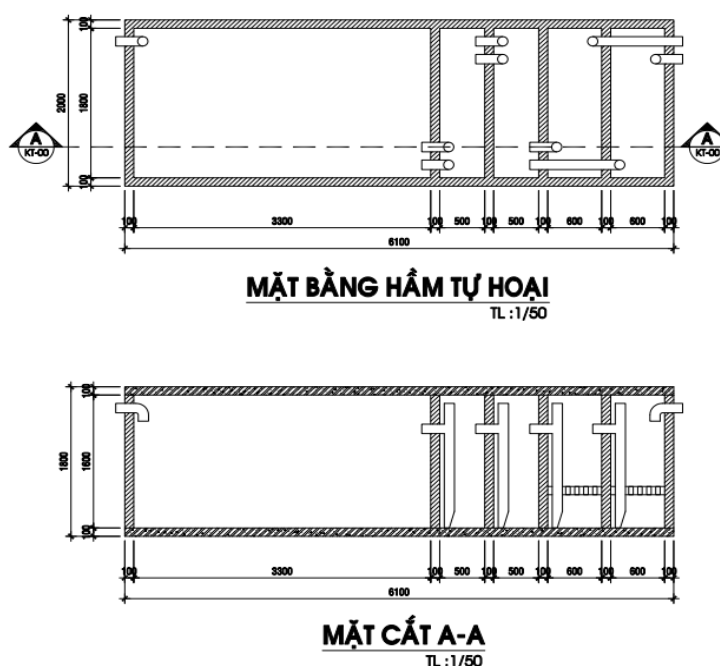
- Toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà hàng khoảng 5,8 m³/ngày, được thu gom xử lý bằng bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf).

- Bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) được đặt âm dưới khu nhà vệ sinh đảm bảo thu gom triệt để lượng nước thải phát sinh.

- Cấu tạo bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) như sau:

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) là quá trình lắng nước thải, giữ và lên men cặn lắng. Dưới tác động của các vi khuẩn kỵ khí có trong bể, cặn được phân hủy thành các chất khí và chất khoáng hòa tan. Ưu điểm chủ yếu của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và hiệu quả xử lý tương đối cao.

Nước thải được đưa vào ngăn thứ nhất của bể, dung tích ngăn này chiếm 50 – 70% dung tích toàn bể, có vai trò làm bể chứa – lên men kỵ khí, đồng thời điều hòa lưu lượng và nồng độ chất bẩn có trong dòng nước thải. Nhờ các vị trí ống dẫn, nước thải chảy qua bể lắng theo chiều chuyển động từ dưới lên trên, tiếp xúc với vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn hình thành ở đáy bể, các chất hữu cơ được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hóa. Ngăn cuối cùng là ngăn lọc kỵ khí, có tác dụng làm sạch bổ sung nước thải, nhờ các vi sinh vật kỵ khí gắn bám trên bề mặt các hạt của lớp vật liệu lọc và ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước. Lớp vật liệu lọc bao gồm 3 lớp: lớp sạn 1 x 3cm, lớp cát vàng, lớp đá 4 x 6cm, bên trên lớp vật liệu có đặt máng nước tràn bằng bê tông để nước được tràn đều trên bề mặt lớp vật liệu lọc. Trong mỗi bể đều có lỗ thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và dùng để thông ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt. Thời gian lưu nước của bể tự hoại 5 ngăn khoảng 3 – 5 ngày. Thời gian lưu bùn khoảng 6 tháng, định kỳ bùn sẽ được hút và xử lý theo quy định. Mỗi lần hút bùn để lại khoảng 20% lượng cặn đã lên men trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình phân hủy cặn sau này.



Hình 8. Mô hình bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf)

Bảng 8. Thông số kỹ thuật bể tự hoại

TT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	GIÁ TRỊ
1	BỂ TỰ HOẠI 5 NGĂN (BASTAF)		
	- Số lượng	Bể	1
	- Kích thước: L x W x H	m	6,1 x 1,8 x 1,6
	- Thể tích hữu ích	m ³	17,5
	- Thời gian lưu nước	Ngày	3 - 5
	- Vật liệu	-	Bê tông cốt thép

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Nguồn phát sinh: Trong quá trình kinh doanh hoạt động của cơ sở có phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ việc ra vào cơ sở của các phương tiện giao thông, hoạt động chế biến thức ăn tại khu vực bếp; Lưu lượng khí thải phát sinh từ các nguồn trên là không lớn, tuy nhiên nhằm kiểm soát các nguồn phát thải nêu trên, chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp sau:

a. Đối với phương tiện ra vào cơ sở

- Sử dụng các bề mặt dùng cho mọi thời tiết, sử dụng chất độn dính tích tụ (thảm nhựa) cho đường đi và sân bãi.
- Bãi đậu xe được bố trí gần cổng ra vào của Cơ sở để hạn chế quá trình lưu thông gây ồn và ô nhiễm không khí.
- Quy định tốc độ ra vào khu vực lộ giao thông: Các phương tiện giao thông vận tải khi chạy vào lộ giao thông chung của khu vực phải giảm tốc độ xuống < 10 km/giờ.
- Bê tông hóa sân, đường nội bộ, thường xuyên vệ sinh và phun nước vào những ngày nắng nóng để hạn chế bụi.

b. Đối với khí thải từ hoạt động nhà bếp

- Chủ dự án, lắp đặt hệ thống quạt hút, chụp hút khói thải từ hoạt động bếp nướng khu vực trong nhà hàng, nhà bếp dẫn qua ống khói với chiều cao khoảng 4m thoát ra ngoài môi trường.
- Đồng thời lắp đặt hệ thống thông gió tại khu vực bếp và thiết kế nhà hàng theo kiểu không gian mở, tạo sự thông thoáng, mát mẻ cho khu vực nấu ăn và sảnh ăn.

- Trong quá trình nấu ăn hạn chế tối đa việc làm cháy khét thực phẩm để tránh phát sinh khói thải gây ảnh hưởng đến khách hàng và nhân viên nấu nướng.
- Ưu tiên sử dụng chất đốt sạch như điện thay thế cho các loại chất đốt gây ô nhiễm môi trường.
- Tiến hành dọn dẹp nhà hàng, bếp ăn sau cuối ngày làm việc.
- Hệ thống cây xanh, cây cảnh trong khuôn viên cơ sở được hoàn thiện vừa tạo bóng mát, giảm hàm lượng bụi trong không khí vừa mang lại môi trường trong lành, thoáng mát.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD của Bộ Xây dựng về Quy hoạch xây dựng thì CTR sinh hoạt phát sinh tối thiểu là 1,3 kg/người/ngày.đêm. Với số lượng tối đa là 200 khách hàng mỗi ngày và 10 công nhân viên làm việc tại cơ sở nên lượng CTR sinh hoạt phát sinh là: $NRS_H = 210 \text{ người} \times 1,3 \text{ kg/người/ngày.đêm} = 273 \text{ kg/ngày.đêm}$, tuy nhiên thực tế rác sinh hoạt tại cơ sở chỉ chiếm 50% - 70% tương đương 136 – 190 kg/ngày.

- Công đoạn phân loại chất thải rắn:

Tại điểm phát sinh chất thải rắn, chất thải sẽ được phân loại thành 03 loại theo quy định tại khoản 1, Điều 75 Luật Bảo vệ Môi trường 2020, như sau:

- + Rác thực phẩm (chứa thành phần hữu cơ có thể xử lý sinh học) như thức ăn thừa, rau củ, vỏ trứng,....
- + Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm giấy in, giấy báo, thủy tinh, nhựa có thể tái chế, kim loại,...
- + Chất thải rắn sinh hoạt khác gồm các loại chất thải không thể tái chế, tái sử dụng.

- Công đoạn thu gom:

- + Trong khu đón tiếp dịch vụ, sảnh nhà hàng, nhà vệ sinh... đều trang bị các thùng chứa thể tích 12L để thu gom 3 loại rác. Các thùng đựng đều có nắp đậy và dán nhãn phân từng loại để thuận tiện cho việc thu gom về điểm tập kết rác của cơ sở.
- + Trang bị khoảng các thùng chứa thể tích 60L, 120L tại khu vực bếp nấu ăn để thu gom 3 loại rác. Các thùng đựng đều có nắp đậy và dán nhãn phân từng loại để thuận tiện cho việc thu gom về điểm tập kết rác của cơ sở.
- + Tần suất thu gom ít nhất 1 lần/ngày, đối với khu vực nhà bếp do lượng rác phát sinh chủ yếu là rác hữu cơ, thức ăn thừa dễ phân hủy và có mùi nên có thể bố trí thu gom 2 lần/ngày.

+ Tất cả các loại chất thải rắn phát sinh từ các khu vực được thu gom tập trung bằng lối đi riêng về các khu tập trung rác thải của Cơ sở có diện tích 6 m², có bố trí thùng nhựa 240L có nắp đậy để lưu chứa rác tạm thời trước khi đơn vị chức năng đến thu gom và vận chuyển đi xử lý.

Bảng 9. Số lượng thùng chứa chất thải hiện hữu tại cơ sở

STT	Dung tích thùng rác	Số lượng thùng rác
1	Thùng chứa 12L	6
2	Thùng chứa 60L	6
3	Thùng chứa 120L	3
4	Thùng chứa 240L	3
Tổng cộng		18

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

- Xử lý chất thải rắn:

+ Đối với các chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng: Ưu tiên tái sử dụng lại trong Cơ sở, các thành phần còn lại không thể xử lý có thể bán lại cho các đơn vị thu mua phế liệu trên địa bàn thành phố.

+ Đối với rác thực phẩm: Chủ cơ sở ký hợp đồng Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Lạc với Công ty CP Đô Thị Cần Thơ để vận chuyển toàn bộ lượng rác sinh hoạt phát sinh đến khu xử lý rác thải tập trung của khu vực. Hằng ngày, trước giờ thu gom, toàn bộ rác thải sẽ được tập kết vào kho rác thải sinh hoạt, tại vị trí thuận tiện cho xe của đơn vị thu gom đến thu gom rác, tần suất thu gom 1 lần/ngày (hóa đơn rác đính kèm phụ lục).

+ Lượng dầu mỡ tại bể tách dầu được xử lý bằng vật liệu thấm. Vật liệu này sẽ được xử lý như chất thải rắn sinh hoạt và được hợp đồng thu gom xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Thành phần chất thải nguy hại và khối lượng tối đa dự kiến phát sinh tại cơ sở trong quá trình hoạt động được trình bày trong bảng sau:

Bảng 10. Thống kê chất thải nguy hại dự kiến phát sinh

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	16 01 06	3
2	Giẻ lau, găng tay dính dầu nhớt	18 02 01	4,5

3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	1,0
4	Dầu nhớt thải	17 02 03	2,5
CỘNG			11

(Nguồn: Chủ dự án, 2024)

- Chủ đầu tư đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động như:

+ Sử dụng chiếu sáng bằng các bóng đèn led không chứa thủy ngân để hạn chế lượng bóng đèn huỳnh quang.

+ Hệ thống điều khiển máy lạnh bằng điều khiển cảm ứng chạy bằng điện, không sử dụng remote để hạn chế lượng pin thải.

- Cơ sở phân loại chất thải nguy hại, chứa trong thùng đựng kín có nắp để đảm bảo không rò rỉ chất thải, mỗi thùng ghi tên và dán mã mỗi loại CTNH.

- Có dán nhãn cảnh báo trên cửa kho theo quy định tại TCVN 6707:2009 về chất thải nguy hại.

- Lưu chứa trong kho riêng biệt. Kho lưu giữ CTNH được xây theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT với mặt sàn kín, có gờ bê tông ngăn nước mưa chảy tràn, khu vực chứa CTNH kín có mái che, có đầy đủ thiết bị phòng cháy chữa cháy; diện tích kho chứa CTNH 4 m². Khi số lượng CTNH nhiều cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý (*hợp đồng thu gom đính kèm phụ lục*).

3.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Hạn chế, không nổ máy xe gắn máy, xe ô tô trong suốt thời gian đậu.

- Máy móc, thiết bị trong Cơ sở không hoạt động quá công suất cho phép.

- Sử dụng các máy móc thiết bị hiện đại, ít gây ồn.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng đều đặn máy móc, thiết bị tại Cơ sở.

- Đặt phòng cách âm đối với hệ thống lạnh trung tâm.

- Kịp thời thay thế máy móc đã cũ kỹ.

- Các thiết bị như máy thổi khí, bơm hút nước thải, các đệm chống ồn và rung bằng cao su, kiểm tra bảo dưỡng định kỳ theo hướng dẫn của nhà sản xuất nhằm giảm thiểu tiếng ồn, rung.

- Một biện pháp hữu hiệu khác là trồng cây xanh bên trong và xung quanh Cơ sở vừa góp phần lọc bụi, ngăn cản sự truyền âm của tiếng ồn, giảm bức xạ nhiệt, vừa tạo

không khí trong lành, ổn định điều kiện vi khí hậu tại khu vực Cơ sở. Ngoài ra, cây xanh cũng góp phần tạo nên mỹ quan cho Cơ sở.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố từ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa, nước thải

Biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố từ hệ thống thu gom và xử lý nước mưa, nước thải được thực hiện như sau:

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống và bể xử lý để kịp thời phát hiện sự cố nứt, vỡ đường ống, rò rỉ nước thải, khắc phục các đường ống hư hỏng và dọn vệ sinh xung quanh;

- Sử dụng men vi sinh để nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại 5 ngăn;

- Định kỳ vệ sinh bể lắng, bể tự hoại; thuê đơn vị có chức năng hút bùn đáy bể.

Trường hợp hệ thống xảy ra sự cố thì cần xử lý như sau:

Bảng 11. Tổng hợp biểu hiện sự cố, nguyên nhân và phương pháp khắc phục sự cố từ hệ thống xử lý nước thải

Hạng mục	Biểu hiện	Nguyên nhân	Phương pháp
Hệ thống đường ống	Có nước thấm lên bề mặt nền xi măng dù thời tiết đang khô ráo.	Nứt, vỡ đường ống sau thời gian dài sử dụng hoặc do tác động của nội lực, ngoại lực.	Tạm dừng các hoạt động có phát sinh nước thải ⇒ Xác định đoạn đường ống gặp sự cố ⇒ Thay mới.
	Có nước thải phát sinh nhưng bể điều hòa không có nước, bể thu gom không có nước.		
Bể tự hoại 5 ngăn	Sự cố nghẹt ống; máy bơm nước thải; bơm bùn không hoạt động.	Rò rỉ, vỡ ống nước thải. Do chất rắn có kích thước lớn, bùn đáy bể nhiều.	Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, kiểm tra đường ống dẫn nước của hệ thống thu gom nước thải. Hút bùn, vệ sinh bể.
	Nước bị giữ lại không chảy qua ngăn tiếp theo hoặc không thoát ra cống công cộng.		
	Có mùi hôi phát sinh	Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc đường ống. Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại.	Phải thông bồn cầu và đường ống dẫn. Thông ống dẫn khí, vệ sinh bể.

3.6.2 Phương án phòng chống cháy nổ

Chủ đầu tư rất quan tâm và chú trọng đến công tác phòng cháy chữa cháy bằng

cách lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy và đã áp dụng một số biện pháp sau:

- Thành lập tổ PCCC và tổ chức các buổi tập huấn, hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ cho các nhân viên trong Cơ sở.
- Thường xuyên kiểm tra, giám sát các khu vực chứa nhiên liệu như nhà bếp, máy phát điện nhằm tránh hiện tượng rò rỉ nguyên nhiên liệu, gây cháy nổ.
- Treo Nội quy Phòng chống cháy nổ ở các nơi công cộng tập trung đông người và các khu vực nhạy cảm như khu chứa nhiên liệu, hóa chất....
- Trang bị các phương tiện, thiết bị PCCC và lắp đặt theo đúng tiêu chuẩn quy phạm, chuẩn bị các bình bột để chữa cháy di động, bể nước, vòi và dây cứu hỏa... nhằm ứng phó kịp thời với sự cố cháy.
- Bố trí các bình bột CO₂ cứu hỏa ở những nơi cần thiết, nhất là những nơi có thể phát sinh cháy như nhà bếp, nhà ăn.
- Thiết kế hệ thống nước PCCC ở các nơi có nguy cơ cháy nổ.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố ngộ độc thực phẩm

Chủ cơ sở kiểm tra hàng ngày nguồn gốc chất lượng của từng loại thực phẩm được cung cấp cho nhà bếp tại cơ sở, chỉ sử dụng loại thực phẩm từ những cửa hàng cung cấp uy tín, có xuất xứ hàng hóa rõ ràng.

Thường xuyên dọn dẹp, vệ sinh sạch sẽ của khu vực nhà bếp. Luôn luôn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình chế biến món ăn.

Người làm việc tại khu vực nhà bếp đều phải sử dụng đầy đủ đồ bảo hộ trong suốt quá trình chế biến món ăn trong nhà bếp và phải kiểm tra chất lượng món ăn trước khi phục vụ cho khách hàng.

3.7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: không có.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt

+ Nguồn số 2: Nước thải từ hoạt động nhà bếp

- Lưu lượng xả thải: Lưu lượng xả thải tối đa xin cấp phép cho 2 nguồn nước thải trên là 7 m³/ngày.đêm.

- Dòng nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động bài tiết của khách hàng và nhân viên tại nhà hàng được thu gom dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1) sau đó thoát ra cống thoát nước chung của đô thị trên đường Tôn Đức Thắng.

+ Nước thải từ hoạt động nhà bếp phát sinh từ hoạt động nấu ăn, chế biến thức ăn tại nhà hàng được thu gom về bể tách mỡ sau đó phần nước thải được dẫn về bể tự hoại 5 ngăn (bể bastaf) để xử lý QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1) sau đó thoát ra cống thoát nước chung của đô thị trên đường Tôn Đức Thắng.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: Chất lượng nước thải khi xả thải vào nguồn tiếp nhận phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K=1), cụ thể như sau:

Bảng 12. Thông số và giới hạn nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5 – 9	6 tháng/lần	Không áp dụng
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3”*

7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		

- Vị trí xả nước thải tại cơ sở (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 104°30', múi giờ 3°):

Bảng 13. Vị trí xả thải của cơ sở

STT	Kí hiệu điểm	Vị trí điểm xả nước thải	Tọa độ điểm xả thải	
			X	Y
1	NTĐR	Hố ga nước thải sau xử lý	1101517	569434
2	NTN	Nguồn tiếp nhận: cống thoát nước chung của đô thị đường Tôn Đức Thắng	1101525	569462

- Nguồn tiếp nhận nước thải là cống thoát nước chung của đô thị đường Tôn Đức Thắng

- Phương thức xả thải: Hệ thống ống dẫn nước thải về hố ga nước thải sau xử lý của cơ sở dựa vào cao độ địa hình khu vực chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Chế độ xả nước thải: xả thải liên tục 24 giờ/24 giờ (liên tục các ngày trong năm).

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải:

Cơ sở đã kết hợp với đơn vị tư vấn thực hiện thu mẫu phân tích đối với nước thải đầu ra tại hố ga sau xử lý nước thải. Kết quả quan trắc nước thải có so sánh với QVCN cho phép, cụ thể như sau:

- Vị trí quan trắc: Hố ga sau xử lý nước thải
- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường áp dụng để đánh giá nguồn thải: QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, K = 1).

Bảng 14. Kết quả quan trắc chất lượng nước thải quý 3/2024 của cơ sở

TT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT, Cột B
8	pH	--	7,25	5 - 9
9	TSS	mg/L	43	100
10	BOD ₅	mg/L	38	50
11	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	3,94	10
12	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	15,7	50
13	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	2,69	10
14	Coliforms	MPN/100ml	3.500	5.000

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải: Không có.

Chương VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ có nêu “Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường (bao gồm cả bể tự hoại, bể tách mỡ nước thải nhà ăn và các công trình thiết bị hợp khối đáp ứng theo yêu cầu quy định)” thì Nhà hàng buffet hải sản Gió Biển 3 không phải thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải sau khi được cấp giấy phép môi trường.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Quan trắc nước thải:

- Vị trí: hố ga sau xử lý nước thải.
- Tần suất: 6 tháng/1 lần
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, amoni, nitrat, phosphat, dầu mỡ động thực vật, tổng coliforms.
- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

6.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Căn cứ khoản 4 Điều 97 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP, cơ sở không thuộc đối tượng cần thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải.

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí khoảng 10.000.000 đồng/năm.

Chương VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Đến thời điểm hiện tại, Hộ kinh doanh quán ăn gia đình Gió Biển 3 chưa có đoàn thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường tại Cơ sở.

Chương VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hộ kinh doanh quán ăn gia đình Gió Biển 3 cam kết về các nội dung như sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường: Chủ cơ sở chịu trách nhiệm về số liệu cung cấp trong báo cáo. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.
- Chủ cơ sở cam kết thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo vệ Môi trường và các văn bản pháp lý có liên quan. Chấp hành tốt các quy định và yêu cầu của các cơ quan quản lý tại địa phương.
- Cam kết thực hiện các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường, tuân thủ nghiêm túc các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành, các quy định, nội quy của chủ dự án lập ra tại dự án.

PHỤ LỤC

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Bản sao giấy tờ pháp lý về chứng nhận quyền sử dụng đất;
- Bản sao hợp đồng thuê đất;
- Hóa đơn rác sinh hoạt;
- Kết quả quan trắc chất lượng nước thải đầu ra;
- Bản sao hóa đơn điện, nước của cơ sở;
- Sơ đồ mặt bằng tổng thể;
- Bản sao bản vẽ thoát nước mưa, thoát nước thải tại cơ sở;
- Bản sao bản vẽ chi tiết hầm tự hoại 5 ngăn (bataf);

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 8833061379-001

Mã số đăng ký hộ kinh doanh: 56A8030389

Đăng ký lần đầu: ngày 06 tháng 11 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 08 tháng 05 năm 2024

1. Tên hộ kinh doanh: HỘ KINH DOANH QUÁN ĂN GIA ĐÌNH GIÓ BIỂN 3

2. Địa chỉ trụ sở hộ kinh doanh: Lô C17-63 Tôn Đức Thắng, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0961883366

Fax:

Email:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Quán ăn uống có rượu bia)	5610 (Chính)

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 300.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Ba trăm triệu đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: TÔNG THỊ MỸ ANH

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 02/02/1996 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân/chứng minh nhân dân: 091196011205

Ngày cấp: 31/08/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 777B Nguyễn Trung Trực, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Lô C17-63 Tôn Đức Thắng, Phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Ba
Huỳnh Chắc Bật

HỢP ĐỒNG THUÊ MẶT BẰNG

- Căn cứ Bộ luật dân sự hiện hành.
- Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại nhà ông Lê Hữu Trí, Chúng tôi gồm:

BÊN CHO THUÊ MẶT BẰNG (Gọi tắt là bên A)

Họ tên: **Lê Hữu Trí** Năm sinh: 01/01/1970

CCCD số: 091070008853 Cấp ngày: 26/01/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã Hội

Thường trú: Ấp Tân Hưng, Mỹ Lâm, Hòn Đất, Kiên Giang

Là người chủ sở hữu quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

BÊN THUÊ MẶT BẰNG (Gọi tắt là bên B)

Họ tên: **HUỖNH TẤN ANH** Năm sinh: 22/10/1991

CCCD số: 025091015981 Cấp ngày: 31/08/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về Trật tự Xã Hội

Thường trú: 777B Nguyễn Trung Trực, An Hòa, Rạch Giá, Kiên Giang

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng thuê mặt bằng với nội dung sau:

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng cho thuê

1.1. Bên A đồng ý cho bên B thuê 2 lô mặt bằng:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 5301002183

Địa chỉ thửa đất: Lô C17-64 đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Kiên Giang với tổng diện tích là 262,50m² (dài 35m, rộng 7,5m) không có công trình và cây xanh.

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: 5301002184

Địa chỉ thửa đất: Lô C17-65 đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, TP. Rạch Giá, Kiên Giang với tổng diện tích là 262,50m² (dài 35m, rộng 7,5m) không có công trình và cây xanh.

1.2. Mục đích thuê: Bên B được xây dựng nhà, trồng cây xanh để phục vụ cho việc kinh doanh.

ĐIỀU 2: Thời hạn hợp đồng

- 2.1. Thời hạn thuê mặt bằng là: 07 năm được tính từ ngày 01/11/2023 đến hết ngày 31/10/2030.
- 2.2. Sau khi hết hạn hợp đồng, tùy theo nhu cầu thực tế hai bên có thể thoả thuận về việc gia hạn hoặc chấm dứt hợp đồng thuê.

ĐIỀU 3: Giá cả - Phương thức thanh toán

- 3.1. Giá thuê mặt bằng là: 10.000.000 đồng/tháng/1 lô (mười triệu đồng một tháng trên 1 lô).
- Tổng cộng giá thuê 2 lô mặt bằng là: 20.000.000 đồng/tháng (hai mươi triệu đồng một tháng).
- Năm thứ 6 (01/11/2028 – 31/10/2029): Giá thuê mặt bằng là 11.000.000 đồng/tháng/1 lô (mười một triệu đồng một tháng trên một lô).
 - Tổng cộng giá thuê 2 lô mặt bằng là: 22.000.000 đồng/tháng (hai mươi hai triệu đồng một tháng).
 - Năm thứ 7 (01/11/2029 – 31/10/2030): Giá thuê mặt bằng là 12.000.000 đồng/tháng/1 lô (mười hai triệu đồng một tháng trên một lô).
 - Tổng cộng giá thuê 2 lô mặt bằng là: 24.000.000 đồng/tháng (hai mươi bốn triệu đồng một tháng).
- 3.2. Phương thức thanh toán:
- Tiền thuê mặt bằng thanh toán vào ngày 05 đến ngày 10 hàng tháng.
 - Đơn vị thanh toán là tiền Việt Nam Đồng.
- 3.3. Hình thức thanh toán: bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- STK Ngân hàng Sacombank (CN Rạch Giá): **070042853567**
 - Chủ tài khoản: **LÊ HỮU TRÍ**.
 - Trong trường hợp bên B chậm trả tiền thuê mặt bằng sau 02 tháng thì bên A có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn và hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng. Bên B phải trả lại cho bên A toàn bộ mặt bằng và bên A không bồi thường tiền xây dựng trên thửa đất.

ĐIỀU 4: Trách nhiệm của hai bên

4.1. Trách nhiệm của bên A:

- Bên A cam kết bảo đảm quyền sử dụng trọn vẹn hợp pháp và tạo mọi điều kiện thuận lợi để bên B sử dụng mặt bằng hiệu quả.
- Bên A chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hợp đồng thì phải hoàn số tiền do bên B xây dựng trên thửa đất.
- Bên A có quyền yêu cầu bên B trả đủ tiền thuê mặt bằng.
- Bên A có quyền yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng mặt bằng không đúng mục đích hành nghề kinh doanh mà pháp luật không cho phép, nếu bên B

không chấm dứt hành vi vi phạm thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

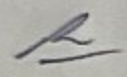
- Sử dụng mặt bằng đúng mục đích thuê, sửa chữa và cải tạo theo nhu cầu sử dụng của bên B. Các chi phí xây dựng, sửa chữa này bên B tự bỏ ra và bên A không bồi hoàn lại khi hết hợp đồng thuê.
- Bên B thanh toán tiền thuê mặt bằng đúng thời hạn và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình theo đúng pháp luật hiện hành. Không kinh doanh các ngành nghề vi phạm pháp luật.
- Trong quá trình sử dụng đảm bảo an ninh và an toàn phòng cháy chữa cháy. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về vệ sinh môi trường.

4.3. Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của mặt bằng thuê. Sau khi hết thời hạn hợp đồng bên B có trách nhiệm giao đất cho bên A theo hợp đồng, những vật kiến trúc trên mặt đất bên B có quyền di dời, những gì dưới mặt đất bên B để lại cho bên A sử dụng (không trừ chi phí san lấp mặt bằng).

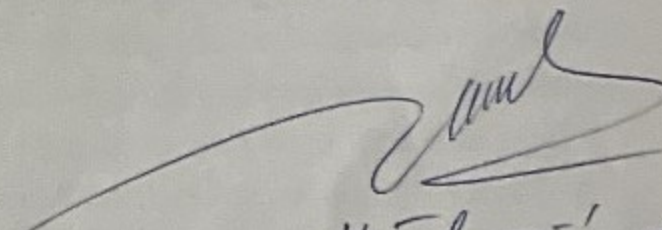
ĐIỀU 5: Cam kết chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu có xảy ra tranh chấp hoặc có một bên vi phạm hợp đồng thì hai bên sẽ giải quyết thông qua thương lượng. Trong trường hợp không tự giải quyết được, hai bên sẽ đưa vụ việc ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải chấp hành, mọi phí tổn sẽ do bên có lỗi chịu.
- Trong thời hạn hợp đồng nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng thì phải báo trước cho bên kia trước 03 tháng và cùng nhau bàn bạc để thống nhất.
- Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng và đồng thời bên A không có trách nhiệm phải bồi thường tiền xây dựng trên thửa đất.
- Tại thời điểm giao kết hợp đồng này thửa đất không có tranh chấp.
- Quyền sử dụng đất không bị kê biên để đảm bảo thi hành án.
- Việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện theo thỏa thuận giữa 2 bên, không bị lừa dối, không bị ép buộc.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Hợp đồng này gồm 05 điều, được lập thành 02 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Hữu Trí

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký, ghi rõ họ tên)

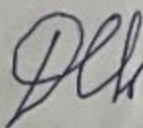

Huỳnh Tấn Anh

NGƯỜI LÀM CHỨNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

KHU PHỐ 4

Ngày 24 tháng 10 năm 2023

TRƯỞNG BAN



Đặng Quang Chiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

5 3 0 1 0 0 2 1 8 4

GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở

Cá nhân hoặc tổ chức có tên ghi tại mục I là chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở

Mục I - Chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở

ÔNG (BÀ): LÊ HỮU TRÍ

Giấy CMND số: 370 608 525

(Địa chỉ: Mỹ Hưng - Mỹ Lâm - Hòn Đất - Kiên Giang)

Mục II - Thực trạng nhà ở, đất ở

a/ Nhà ở:

Địa chỉ:

Tổng diện tích sử dụng:

m²

Diện tích xây dựng:

m²

Kết cấu nhà:

Số tầng:

b/ Đất ở: Lô số C17-65, theo bản vẽ phân lô đã được UBND tỉnh duyệt, thuộc Dự án Lấn biển xây dựng khu đô thị mới, thị xã Rạch Giá

Diện tích: 262,50 m²

Hình thức sử dụng:

Riêng: 262,50 m²

Chung: m²

Mục IIc, Mục III, Mục IV ở các trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này

Ngày 25 tháng 9 năm 2003

T.M Ủy ban Nhân dân Tỉnh (Thành phố)

KÝ CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ sơ gốc số 566/2003

(BẢN CẤP CHO CHỦ SỞ HỮU)



Nguyễn Văn Tuấn

5 3 0 1 0 0 2 1 8 3

GIẤY CHỨNG NHẬN**QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở**

Cá nhân hoặc tổ chức có tên ghi tại mục I là chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở

Mục I - Chủ sở hữu nhà ở và sử dụng đất ở**ÔNG (BÀ): LÊ HỮU TRÍ****Giấy CMND số: 370 608 525***(Địa chỉ: Mỹ Hưng - Mỹ Lâm - Hòn Đất - Kiên Giang)***Mục II - Thực trạng nhà ở, đất ở****a/ Nhà ở:****Địa chỉ:****Tổng diện tích sử dụng:** m²**Diện tích xây dựng:** m²**Kết cấu nhà:****Số tầng:****b/ Đất ở:** Lô số C17-64, theo bản vẽ phân lô đã được UBND tỉnh duyệt, thuộc Dự án Lấn biển xây dựng khu đô thị mới, thị xã Rạch Giá**Diện tích:** 262,50 m²**Hình thức sử dụng:****Riêng:** 262,50 m²**Chung:** m²**Mục IIc, Mục III, Mục IV ở các trang sau là thành phần của giấy chứng nhận này**

Ngày 25 tháng 9 năm 2003

Tài Ủy ban Nhân dân Tỉnh (Thành phố)

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ sơ gốc số 566 / 2003

(BẢN CẤP CHO CHỦ SỞ HỮU)

Nguyễn Văn Tân

182
181
180

182
181
180

Ghi chú : Người được cấp giấy không được tự ý sửa chữa, tẩy xóa, viết thêm bất kỳ nội dung nào trong giấy chứng nhận và sơ đồ. Khi mất giấy chứng nhận phải báo ngay với cơ quan cấp giấy.



CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG DƯƠNG HUỲNH
DUONG HUYNH ENVIRONMENT COMPANY LIMITED



Số/No: 24.07.8720/1-1	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	24/07/2024 Trang/Page: 1/1
-----------------------	---	-------------------------------

Đơn vị yêu cầu/ Customer : CÔNG TY TNHH TM DV CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG VINALAB

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3

Địa chỉ/ Address : Lô C17-63, lô C17-64, lô C17-65, đường Tôn Đức Thắng, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Loại mẫu/ Type of sample : Nước thải

Ký hiệu mẫu/ Mark of sample : NT.071604 – Sau hệ thống xử lý

Ngày lấy (nhận) mẫu/ Sampling (receiving) date : 16/07/2024

Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 17/07/2024 – 23/07/2024

Phương pháp lấy mẫu/ Sampling method : Mẫu khách hàng gửi can 2L lấy mẫu ngày 15/07/2024

Kết quả thử nghiệm/ Testing results :

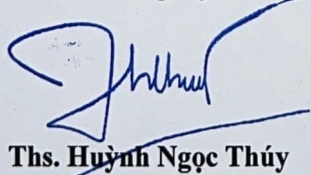
TT No	Thông số Parameters	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả Result	QCVN 14:2008/BTNMT CỘT B, (K=1)
1	pH	--	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,25	5 – 9
2	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	43	100
3	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008 ^(*)	38	50
4	NH ₄ ⁺ _N	mg/L	TCVN 6179-1:1996 ^(*)	3,94	10
5	NO ₃ ⁻ _N	mg/L	SMEWW 4500NO ₃ ⁻ :E:2017 ^(*)	15,7	50
6	PO ₄ ³⁻ _P	mg/L	TCVN 6202:2008 ^(*)	2,69	10
7	Coliforms	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017 ^(*)	3.500	5.000

Ghi chú/ Note:

(*) : Phương pháp đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận/ Method is accredited by MONRE.

KPH: không phát hiện/ Not detected; MDL: giới hạn phát hiện của phương pháp/ Method detection limit.

Phụ trách phòng thử nghiệm
The officer is in charge of the laboratory


Ths. Huỳnh Ngọc Thúy


Giám đốc
Director
Dương Hoàng Thành

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu phân tích và tại thời điểm đo./Test results in this test report are only valid for the testing sample and at the time of measurement..

2. Không được sao chép kết quả này, một phần hay toàn bộ nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty TNHH Môi trường Dương Huỳnh./This result shall not be reproduced, partly or fully, unless written approval of Duong Huynh Environment Co., LTD.

BM01-QT7.8

BH/SĐ:02/01

Ngày BH: 12/04/2019

TRỤ SỞ CHÍNH

528/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp.HCM
CN: 1527/5A Vườn Lài, P. An Phú Đông, Q.12, Tp. HCM
☎ 0949 825 262
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH NINH THUẬN

Số 73, Trương Định, P. Phước Mỹ,
Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Số 5, Ngõ 5/102, Hoàng Quốc Việt, Tổ 23,
P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
✉ duonghuynh.vimcerts241@gmail.com
http://duonghuynhenv.vn

13:52

62%

ACB



Thanh toán thành công!

19.878.219 VND

Mười chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng

Từ **TONG THI MY ANH**
882222886666

Đến **EVN MIỀN NAM**
PB13010097308

Chuyển lúc **01/06/2024, 20:55:15**

Phí **Miễn phí**

Loại dịch vụ **Điện**

Mã giao dịch **7692**

Nội dung

THANH TOAN DIEN, MA TRUY VAN
PB13010097308, KY (THANG) 5/2024

ĐÓNG

 Gửi



Thanh toán thành công!

19.379.171 VND

Mười chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn một trăm bảy mươi một đồng

Từ **TONG THI MY ANH**
882222886666

Đến **EVN MIỀN NAM**
PB13010097308

Chuyển lúc **05/07/2024, 12:10:21**

Phí **Miễn phí**

Loại dịch vụ **Điện**

Mã giao dịch **7725**

Nội dung

THANH TOAN DIEN, MA TRUY VAN
PB13010097308, KY (THANG) 6/2024

ĐÓNG

 **Gửi**



Thanh toán thành công!

17.182.486 VND

Mười bảy triệu một trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm tám mươi sáu đồng

Từ **TONG THI MY ANH**
882222886666

Đến **EVN MIỀN NAM**
PB13010097308

Chuyển lúc **02/05/2024, 17:04:07**

Phí **Miễn phí**

Loại dịch vụ **Điện**

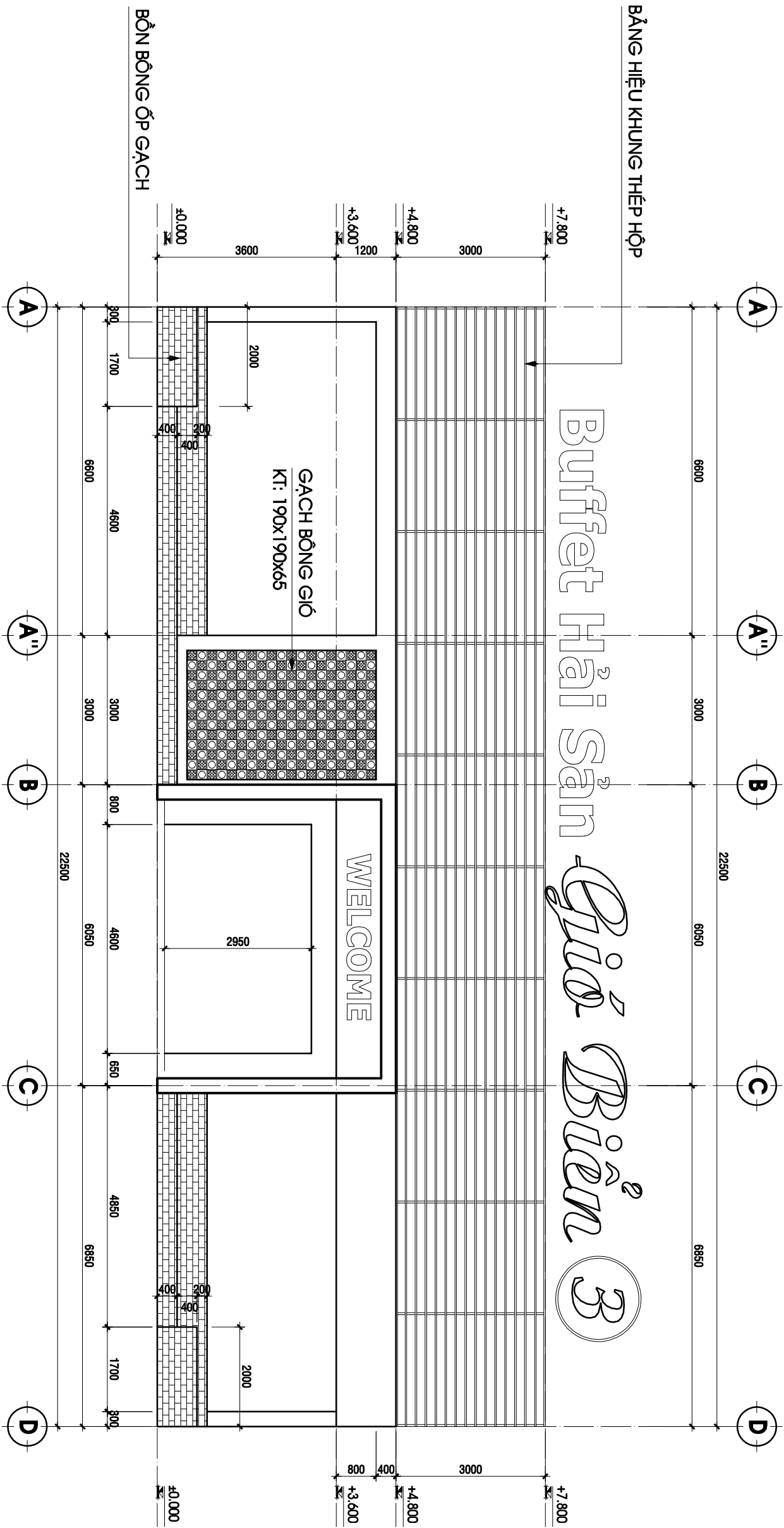
Mã giao dịch **7651**

Nội dung

THANH TOAN DIEN, MA TRUY VAN
PB13010097308, KY (THANG) 4/2024

ĐÓNG

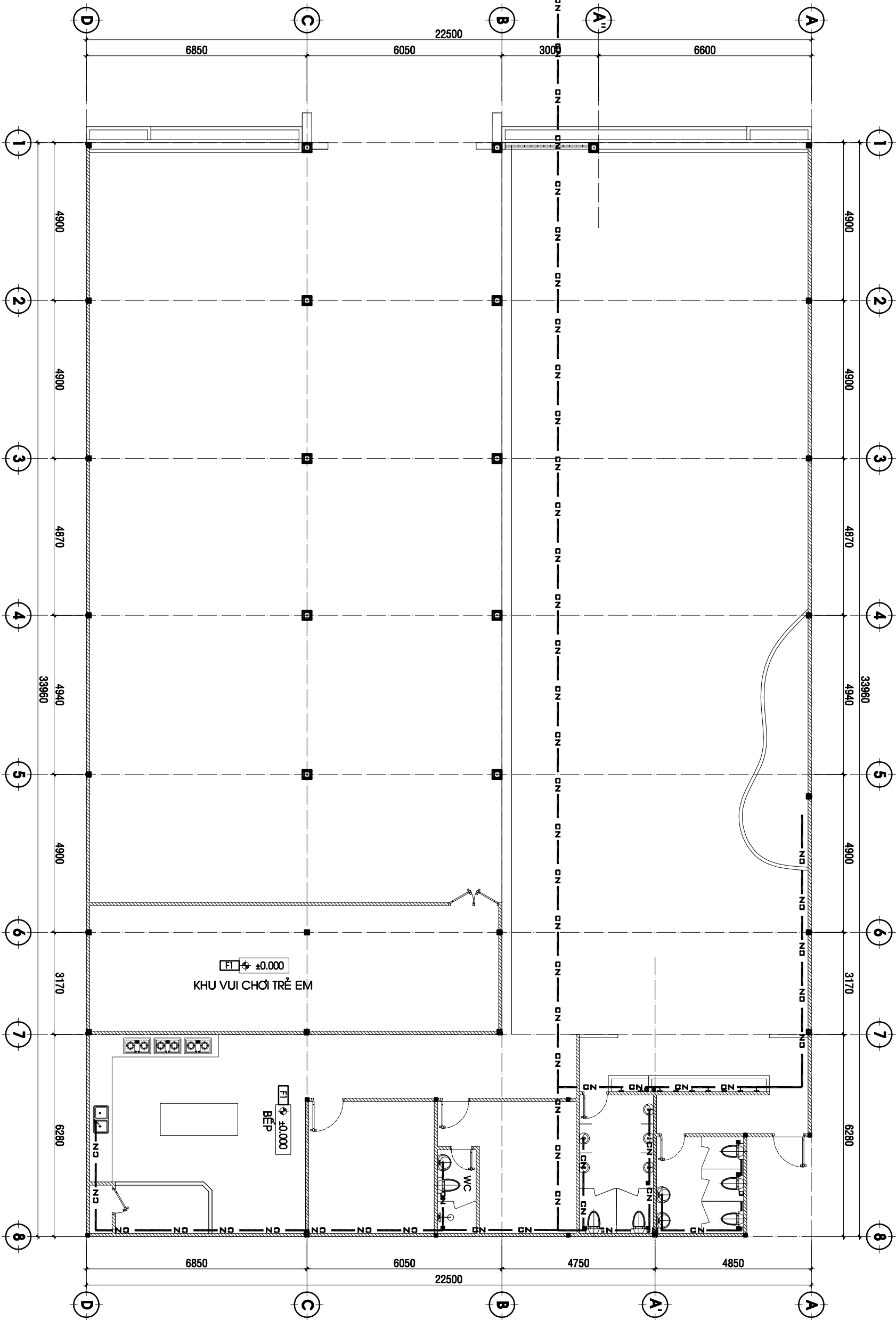
 **Gửi**



MẶT ĐÚNG CHÍNH

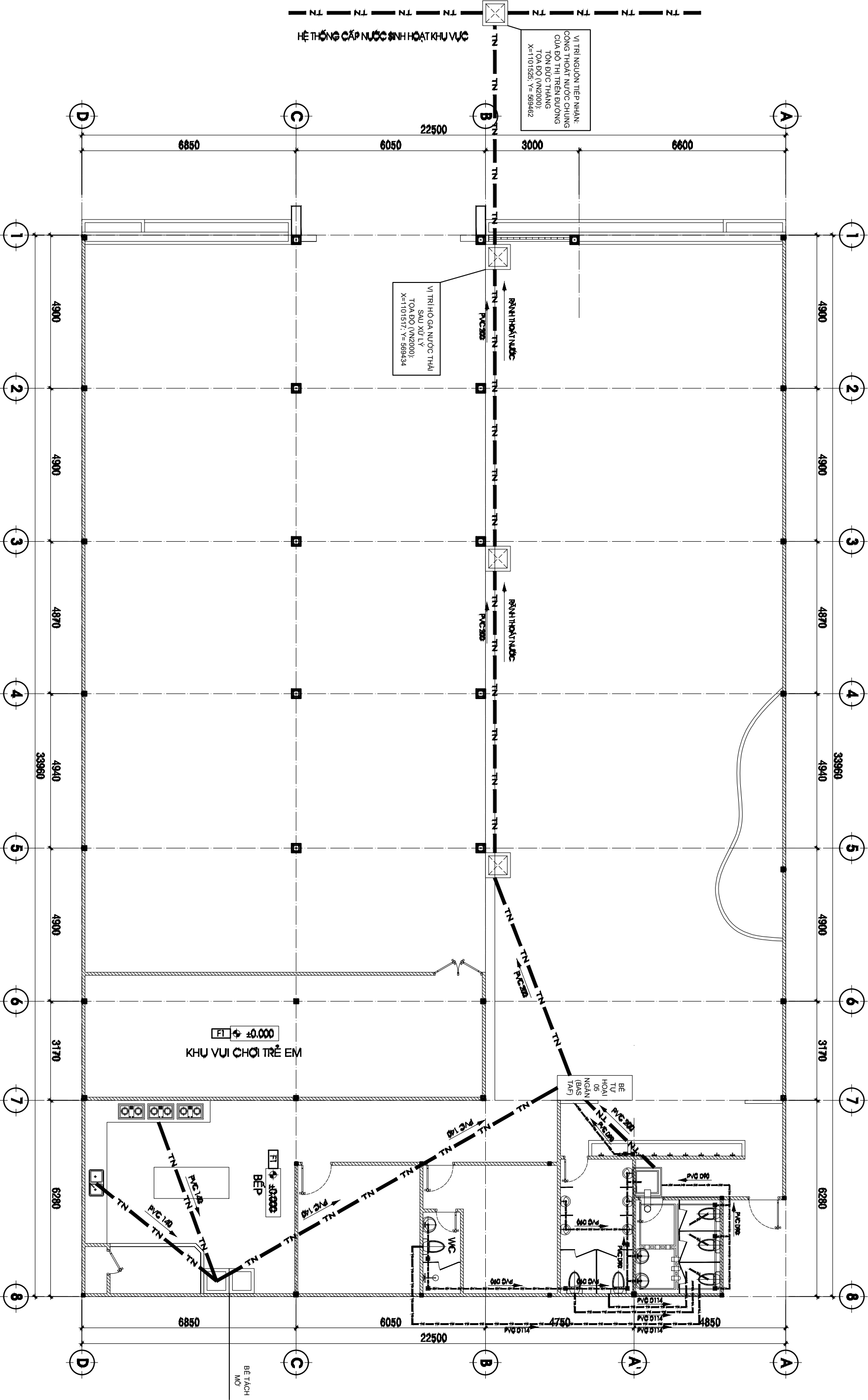
TL : 1/100

HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SINH HOẠT KHU VỰC

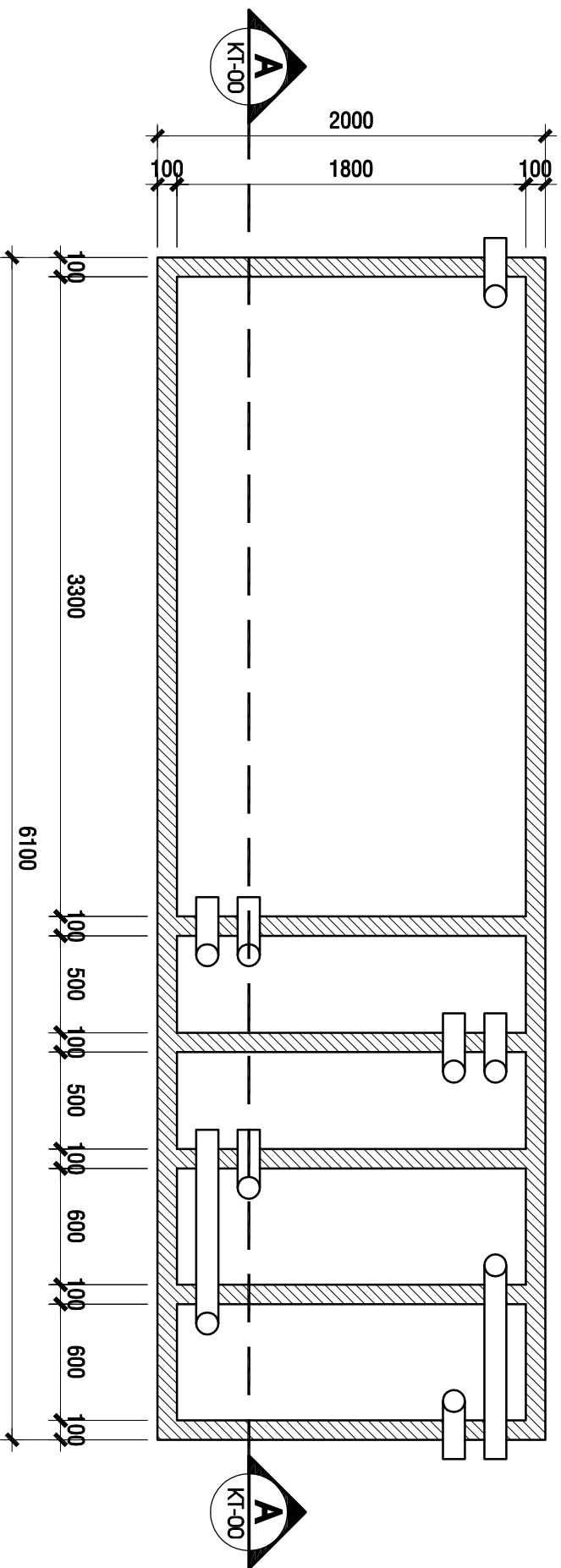


MẶT BẰNG CẤP NƯỚC NHÀ HÀNG

TL:1/100

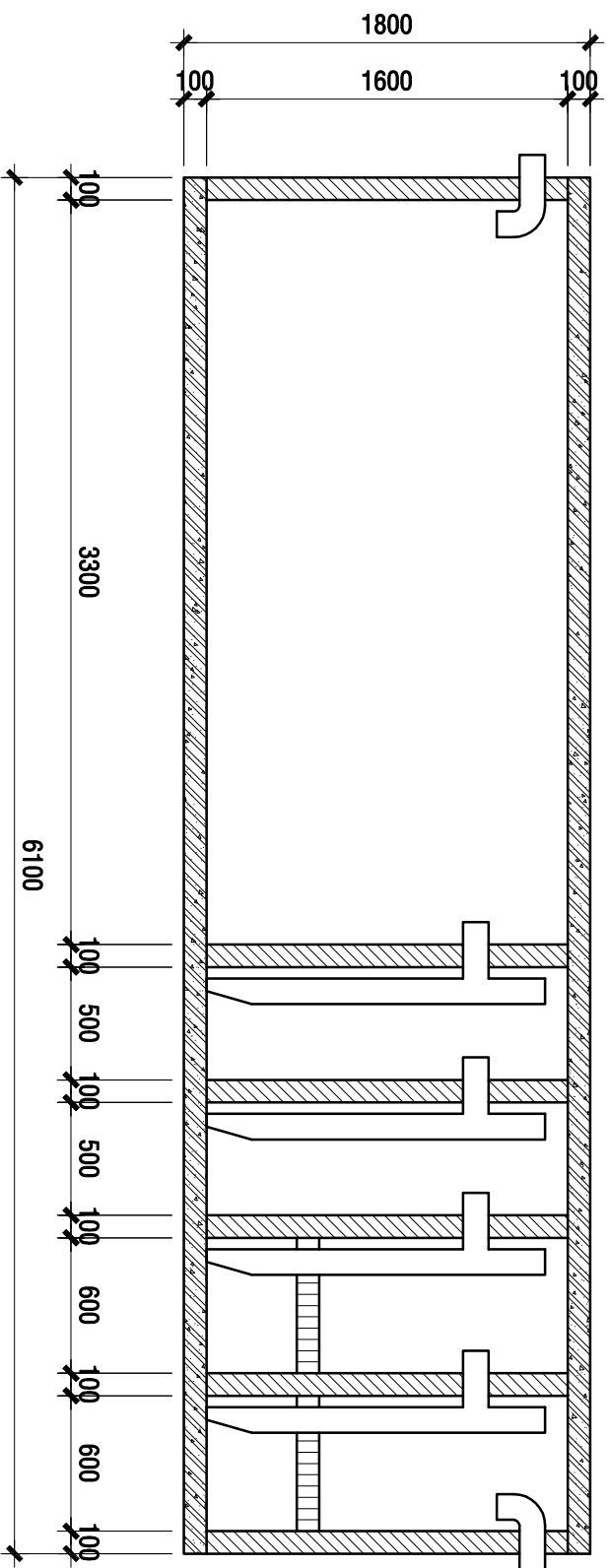


MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
CỦA NHÀ HÀNG BUFFET HẢI SẢN GIÓ BIỂN 3



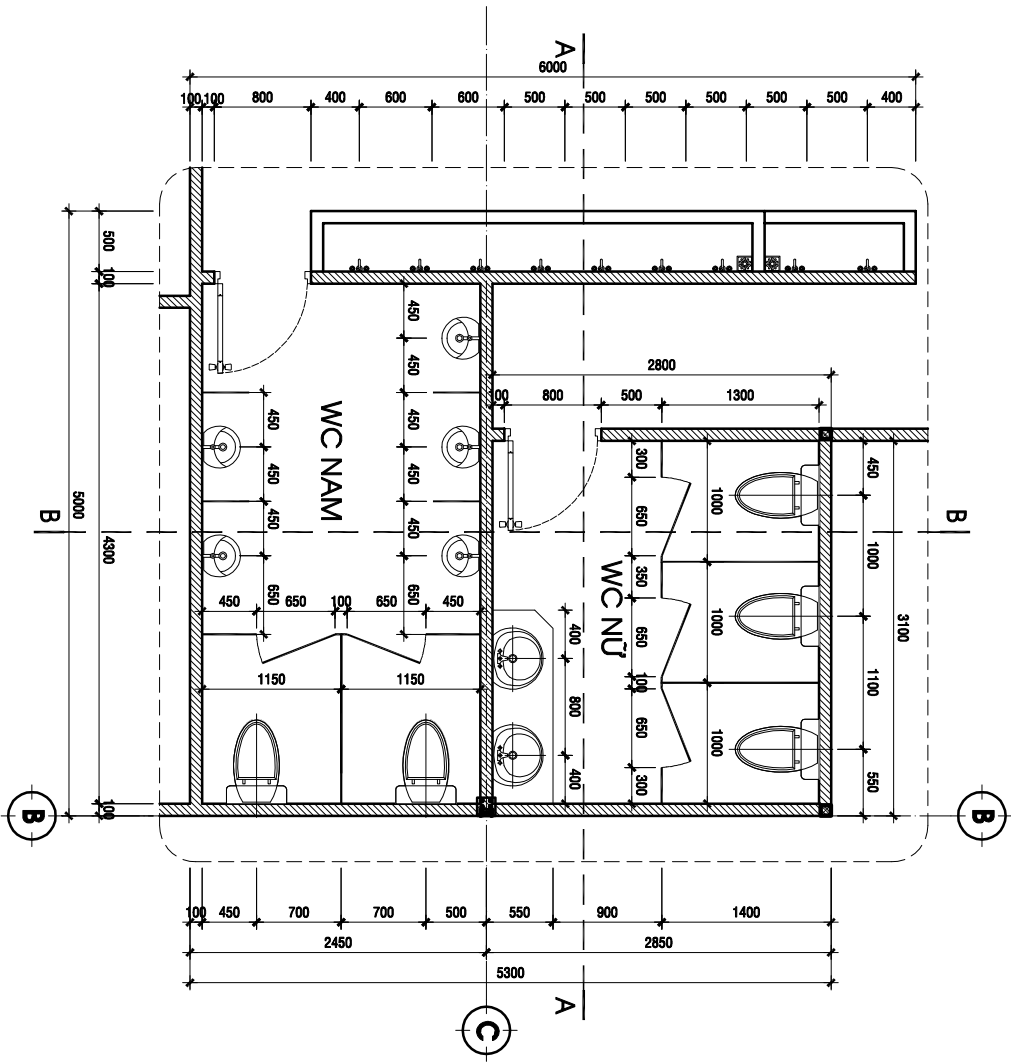
MẶT BẰNG HẦM TỰ HOẠI

TL : 1/50

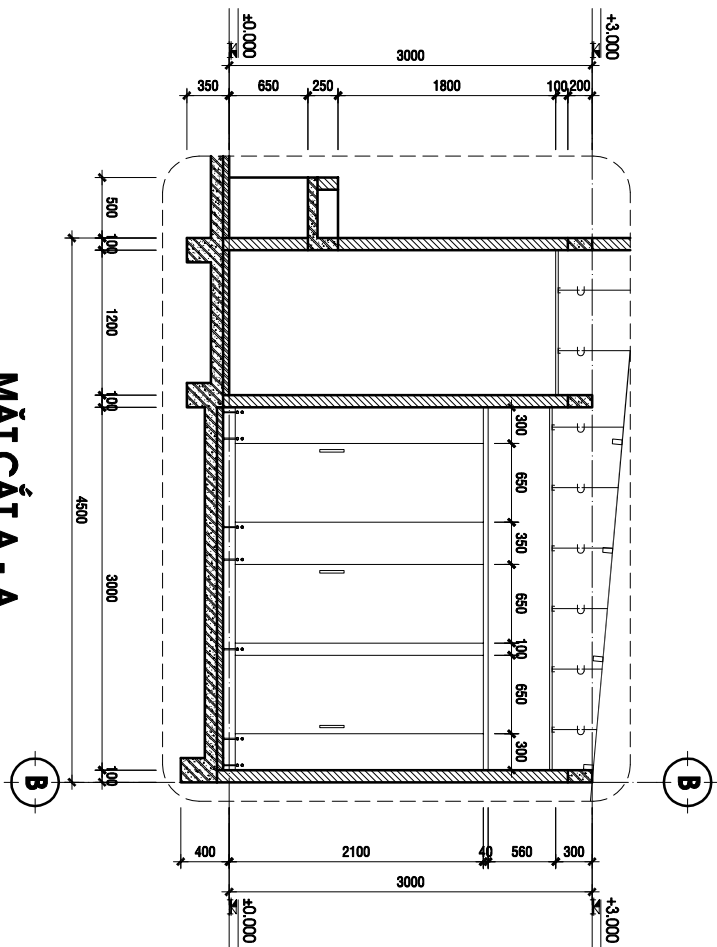


MẶT CẮT A-A

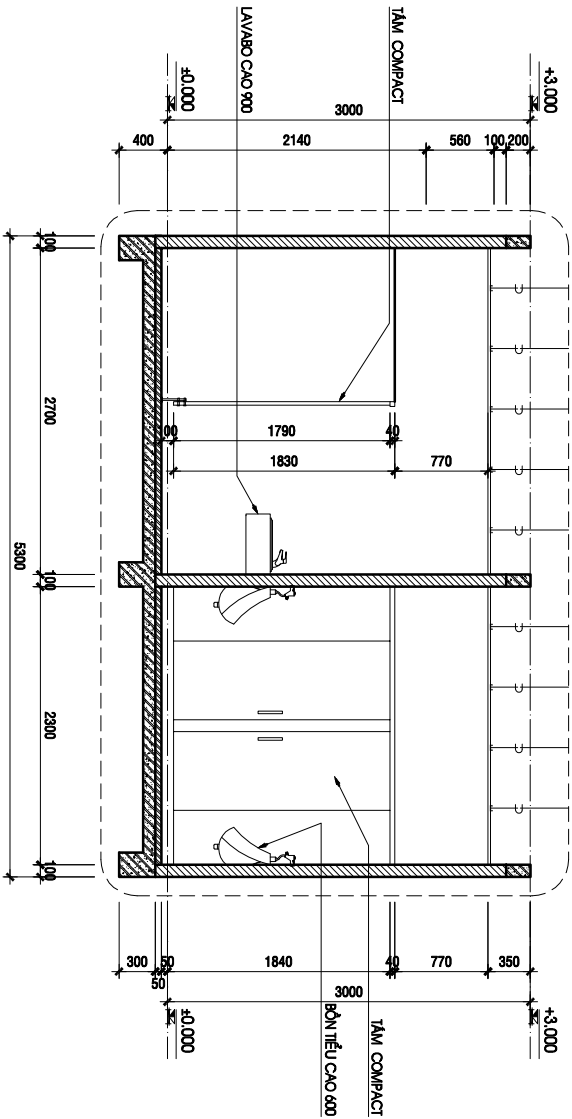
TL : 1/50



MẶT BẰNG WC
TL : 1/50



MẶT CẮT A - A
TL : 1/50



MẶT CẮT B - B
TL : 1/50